

DIỄN ĐÀN TRAO ĐỔI

CHÍNH SÁCH BIỂN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRONG KHU VỰC ĐÔNG NAM Á VÀ HÀM Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

TH S. NGUYỄN THANH MINH
*Cục Cảnh sát biển Việt Nam –
Bộ Quốc phòng*

Lời giới thiệu

Biển và đại dương ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống của cộng đồng quốc tế cũng như của từng quốc gia ven biển dù là nước lớn hay nhỏ, có biển hay không có biển. Do đó, mỗi quốc gia, đặc biệt là các quốc gia ven biển, các quốc gia quần đảo, căn cứ vào tình hình địa lý, vị trí chiến lược của vùng biển và lợi ích của mình, đều đã tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện chính sách quốc gia về biển một cách cụ thể, toàn diện trong khu vực và thế giới. Đã có nhiều quốc gia đạt được những thành tựu về thực hiện chính sách quốc gia về biển trên các lĩnh vực quốc phòng, an ninh; kinh tế biển; hợp tác quốc tế về biển...

Biển Đông là một trong những khu vực biển có vị trí, vai trò quan trọng trên thế giới, nó không chỉ được các quốc gia trong khu vực Biển Đông quan tâm, mà còn là một yếu tố không thể thiếu trong chiến

lược phát triển kinh tế biển, quốc phòng và an ninh trên biển của nhiều nước lớn trên thế giới, đặc biệt là đối với các cường quốc về hàng hải và các quốc gia có nền kinh tế, tiềm lực quốc gia phụ thuộc vào đường biển đi qua vùng biển chiến lược này.

Trong bài nghiên cứu này, tác giả đề cập phân tích tới những nét cơ bản về quá trình xây dựng và triển khai thực hiện chính sách quốc gia về biển của một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á liên quan trực tiếp tới Biển Đông, nhằm cung cấp cho độc giả một cách nhìn tổng quát hơn về chính sách phát triển biển của một số nước có nền quản lý biển tiên tiến trong khu vực. Những nội dung đó có thể là bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách quốc gia về biển trong bối cảnh hiện nay.

Các quan điểm, bình luận và nhận xét được trình bày trong bài nghiên cứu, dựa trên cơ sở khoa học thuần túy và khách

quan khi tác giả đánh giá, phân tích các chiến lược phát triển biển của một số quốc gia trong khu vực.

1. Chính sách biển của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á

Các quốc gia xung quanh Biển Đông có sự phụ thuộc rất lớn về kinh tế, đặc biệt vào các ngành kinh tế biển đối với vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia. Chính vì vậy, việc xây dựng chiến lược về biển luôn giành được sự quan tâm đặc biệt của các nhà hoạch định chính sách biển của các quốc gia hữu quan trong khu vực. Chiến lược biển quốc gia có nội dung quan trọng đó là triển khai thực hiện đảm bảo quốc phòng, an ninh mang tính dài hạn, có chiều sâu trong quá trình bảo vệ vững chắc chủ quyền của các vùng biển, đảo.

Những vấn đề này đặc biệt đóng vai trò quan trọng trên phương diện về điều kiện địa lý, tự nhiên của khu vực Biển Đông. Tám trong số 10 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á đều có biển và biển đã đóng vai trò quan trọng đối với các quốc gia này trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Chính sách biển của hầu hết các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á đều đã đề cập đến chính sách dài hạn và dự liệu cho việc phân định ranh giới trên biển của mình đối với các quốc gia có liên quan đến phân định biên giới trên biển. Việc phân định rõ ràng các vùng biển là một yếu tố quan trọng để các quốc gia hoạch định và thực thi các chính sách phát triển kinh tế biển của mình.

1.2. Chính sách biển của Philippines

Trong khối các nước ASEAN có biển và hải đảo, có hai quốc gia quần đảo lớn đó là

Philippines và Indônêxia. Hai quốc gia quần đảo lớn này không chỉ quan trọng đối với khu vực mà còn đối với thế giới, bởi đây là điểm giao thương hàng hải quan trọng của khu vực và thế giới, đồng thời được thế giới và khu vực biết đến với những thành tựu về quá trình thực thi chính sách quốc gia về biển của họ. Philippines và Indônêxia là hai trong số những nước từ lâu đã quan tâm đến tầm quan trọng của biển đối với sự sống còn của quốc gia, dân tộc, sự quan tâm này được thể hiện bằng quá trình hoạch định chính sách quốc gia về biển cụ thể.

Từ năm 1957, hai quốc gia này đã đưa ra yêu sách “quốc gia quần đảo” nhằm tập hợp các lãnh thổ rải rác của mình, bao gồm cả vùng biển rộng lớn nằm giữa các đảo thành một khối lãnh thổ thống nhất.

Philippines là quốc gia có nghề cá phát triển cao trong khu vực và thế giới, là một trong những quốc gia quan tâm đến việc phát triển tài nguyên biển sớm ở khu vực Đông Nam Á. Đây cũng là một trong những quốc gia có yêu sách chủ quyền lãnh thổ đối với gần hầu hết khu vực quần đảo Trường Sa của Việt Nam, lần đầu tiên là vào năm 1956. Về quốc phòng, an ninh, Philippines trước đây dựa vào sự bảo trợ của Mỹ thông qua hiệp định chiến lược được ký kết giữa Mỹ và Philippines. Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, Mỹ rút khỏi Philippines, quốc gia này bắt đầu triển khai một chương trình phát triển quân sự mới, trong đó trọng tâm là phát triển hải quân và không quân ven bờ nhằm đảm bảo vững chắc chủ quyền quốc gia mà không có sự chi viện của bên ngoài. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, Mỹ đang triển khai thực hiện chính sách quay

trở lại khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Philippines đóng vai trò là một mắt xích quan trọng của chính sách đó.

Với sự cấu tạo tự nhiên của một hệ thống đảo lớn nhỏ, các vùng vịnh và eo biển phong phú, Philippines đã chú trọng đến công tác quản lý và khai thác biển đạt hiệu quả cao trong nhiều năm trở lại đây.

Một trong những nội dung quan trọng của chính sách biển của Philippines là việc tham gia của các tổ chức phi chính phủ (NGOs) và áp dụng mô hình quản lý hoặc còn gọi là quản lý dựa trên cơ sở cộng đồng (*Community - based management*), trao quyền cụ thể và rộng rãi, có kiểm soát cho các chính quyền địa phương, đây là những tổ chức kinh tế chính của các vùng ven biển. Đây cũng là mô hình về kinh tế biển của Philippines đang thu hút sự chú ý của nhiều quốc gia trong khu vực và thế giới. Điểm nổi bật là vai trò của các chính quyền địa phương trong hệ thống quản lý các vấn đề về biển được nâng cao, nội dung này đã được điều chỉnh cụ thể trong Luật Chính quyền địa phương của Philippines¹.

Philippines đã đẩy nhanh công tác xây dựng và ban hành hệ thống quy phạm pháp lý về các lĩnh vực liên quan đến biển như: Luật Thủy sản và Luật Bảo tồn động vật năm 2001, đây là nội dung thể hiện sự quan tâm của Philippines đối với tầm quan trọng của vùng biển quốc gia, sự quan tâm đó đã được thể chế hoá bằng các đạo luật có ý nghĩa quan trọng. Các đạo luật này đã thể hiện được vai trò quan trọng của nó trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách quốc gia về biển. Ở cấp Trung ương có Hội đồng Quản lý tài nguyên Thủy sản và Ngư nghiệp giữ vai trò điều phối và quản lý. Để đảm bảo cho

sự phát triển bền vững, Philippines cũng đã rất chú trọng đến vấn đề đào tạo và nghiên cứu khoa học biển, với sự hình thành và phát triển của hệ thống các cơ quan nghiên cứu về biển, đặc biệt trong lĩnh vực thủy sản cùng với các trường đào tạo chuyên ngành về biển².

Trong chiến lược phát triển chung, một văn kiện tổng thể nhất là chính sách biển quốc gia, Luật số 186 năm 1994 với nội dung có 4 mục tiêu ưu tiên là: Mở rộng chủ quyền quốc gia, bảo vệ hệ sinh thái biển, quản lý kinh tế và khoa học kỹ thuật biển và bảo vệ an ninh quốc gia³. Để thực hiện được kế hoạch tổng thể nêu trên, Philippines đã dựa vào sự phối hợp giữa phát triển ngành thủy sản và việc cung cấp năng lượng. Trọng điểm tập trung vào những nội dung cơ bản đó là: khoa học kỹ thuật biển, các chương trình đầu tư, các chính sách thương mại, trao đổi⁴.

Bên cạnh đó, Philippines cũng có chính sách đồng bộ và bước tiến mới về quân sự đáng kể, nhằm phục vụ mục đích bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia năm 1999 và Kế hoạch phát triển trung hạn giai đoạn 1999 - 2004, kèm theo các chương trình hiện đại hoá hàng hải và thúc đẩy công nghiệp quốc phòng⁵. Bên cạnh công tác chú trọng phát triển kinh tế biển, Philippines cũng đã đầu tư có chiều sâu đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Qua đó cho thấy, Philippines là một trong những quốc gia trong khu vực Biển Đông cơ bản đã xây dựng và triển khai chính sách quốc gia về biển trên nhiều lĩnh vực thể hiện một cách nhìn tổng thể về biển. Chính sách đó nhằm thực hiện khai thác và quản lý biển một cách có hiệu quả, đem lại nhiều thành tựu thiết thực

trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước, đồng thời đảm bảo quốc phòng, an ninh trên biển. Tất cả đều được thể chế hóa từ hệ thống lý luận cơ bản về biển đến những hoạt động thực tiễn đạt hiệu quả cao.

1.2. Chính sách biển của Indônêxia

Indônêxia là một trong những quốc gia quần đảo lớn của thế giới và khu vực, có vị trí chiến lược quan trọng trên mọi phương diện kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh hàng hải, là chiếc cầu nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa Châu Á và Châu Úc. Rõ ràng Indônêxia là quốc gia giữ vị trí quan trọng, có lợi thế đối với những vấn đề liên quan đến biển và có tầm ảnh hưởng đến lưu thông tự do hàng hải quốc tế trên biển.

Về phương diện địa lý, quần đảo Indônêxia bao gồm 6 đảo chính và 13.661 hòn đảo nhỏ⁶. Trong số 13.661 đảo nhỏ, chỉ có 6.044 đảo có tên, 931 đảo có dân cư trú⁷. Các đảo chính là: Sumatta có diện tích 164.000 dặm, các đảo Greater Sunda bao gồm cả Java và Madura có diện tích 51.000 dặm; Borneo 72% diện tích của nó là của Indônêxia bao gồm 208.000 dặm, còn có tên là Kalimanta; Sulawesi, thường gọi là Selebes, diện tích 73.000 dặm và một số đảo nhỏ hơn xung quanh, đảo Lesser Sunda Nusa Tenggara, đảo Maluku (Moluccas) và New Guinea khu vực phía Tây có diện tích 159.375 dặm thuộc Indônêxia, còn được gọi là West Irian và Irian Barat⁸. Tổng diện tích đất của Indônêxia khoảng 735.267 dặm, tức là 1.904.345 km².⁹

Giống như hầu hết các nước trong khối ASEAN, Indônêxia trước kia là thuộc địa

của phương Tây và trước khi giành được độc lập, đường biên giới trên biển của Indônêxia cũng bị chi phối bởi luật pháp của Phần Lan. Sắc lệnh Các vùng biển và lãnh hải năm 1939¹⁰ tuyên bố rằng Indônêxia¹¹ có lãnh hải rộng 3 hải lý tính từ đường cơ sở thẳng nối liền bờ ngoài cùng của một hay nhiều nhóm đảo hoặc từ ngăn nước thủy triều thấp nhất của các đảo¹².

Indônêxia là một trong những quốc gia có công nghiệp khai thác và sử dụng biển phát triển cao hơn các quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á. Hàng năm, Indônêxia khai thác trên 100 triệu tấn dầu mỏ, là nước xuất khẩu khí hoá lỏng lớn nhất khu vực Đông Nam Á. Indônêxia cũng là nước có nghề cá phát triển cao, đây là nguồn thu nhập quan trọng đối với người dân Indônêxia. Trong lĩnh vực này Chính phủ Indônêxia đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm tạo điều kiện cho nghề cá phát triển nhanh, đặc biệt là khi đất nước bước vào những thập niên đầu của thế kỷ XXI.

Về quốc phòng, an ninh Indônêxia đã phát triển một hạm đội hải quân mạnh, đồng thời thể hiện quan điểm chiến lược “không xâm chiếm; không khoan nhượng về chủ quyền biển, đảo và dựa vào hệ thống luật biển quốc tế về biển để giải quyết tranh chấp” của mình nhằm đóng một vai trò nổi bật trong việc gìn giữ hoà bình và ổn định ở khu vực Biển Đông.

Indônêxia đã thông qua các chính sách xúc tiến việc sử dụng và quản lý biển bền vững. Đặc biệt quan trọng là sự ra đời của Bộ Thủy sản và Các vấn đề biển, đây là cơ quan ở cấp Trung ương có vai trò quan trọng trong việc điều phối các vấn đề khai thác và sử dụng biển. Tuy nhiên, trong bối

cảnh hiện nay, hệ thống pháp lý của Indônêxia lại có xu hướng chuyên ngành. Là một quốc gia quần đảo với địa thế phức tạp về không gian, việc giảm xung đột ngành và ranh giới hành chính đang đặt Indônêxia trước những thách thức về cách thức quản lý thống nhất biển, đảo¹³.

Xét về phương diện chiến lược tổng thể, Indônêxia đã tiến hành xây dựng các chương trình trọng điểm liên quan đến biển, đảo như: Các chỉ đạo thực hiện chương trình quốc gia năm 1999, chủ yếu tập trung vào việc kết hợp khai thác và bảo vệ môi trường biển, đảo dựa trên cơ sở khoa học kỹ thuật biển, phát triển kinh tế biển để thúc đẩy nền kinh tế quốc gia, tạo cơ hội việc làm và các cơ hội thương mại khác cùng phát triển.

Đặc biệt ưu tiên cho các lĩnh vực quan trọng như: Giao thông vận tải biển, đóng tàu, công nghiệp ngoài khơi, công nghiệp thủy sản và tập trung phát triển những lĩnh vực quan trọng về biển ở các khu vực thuộc lãnh thổ phía Đông của Indônêxia.

Trên cơ sở đó, Indônêxia đã đưa ra các mục tiêu dài hạn như: Tạo sự thừa nhận đối với lãnh thổ phía Đông. Thiết lập một hệ thống công nghiệp biển tiến tiến dựa trên sự hợp tác của các tỉnh và các ngành cũng như nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghiệp biển hiện đại, đồng thời duy trì môi trường bền vững¹⁴.

Trong quan hệ với Việt Nam về những lĩnh vực liên quan đến biển, Indônêxia đã ký với Việt Nam Hiệp định về phân định ranh giới thêm lục địa năm 2003. Cũng giống như các hiệp định khác trong khu vực, đây được xem là văn kiện quan trọng để hai nước làm cơ sở cho các hoạt động

khai thác nguồn tài nguyên và sử dụng thêm lục địa một cách hoà bình¹⁵.

Những thành tựu đã đạt được trong quá trình hoạch định và triển khai xây dựng, thực hiện chính sách quốc gia về biển, Indônêxia đã đạt được những thành tựu vẻ vang về lĩnh vực phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn của kinh tế biển như vận tải biển, đóng tàu biển, phát triển và khai thác nguồn lợi của ngành thủy sản. Từ lý luận đến thực tiễn, trong thời gian qua, Indônêxia đã thành công trong quá trình phát triển kinh tế biển, đồng thời góp phần thúc đẩy kinh tế Indônêxia phát triển ổn định theo hướng bền vững.

1.3. Chính sách biển của Singapore

Singapore là một trong những quốc gia mới giành được nền độc lập, (Singapore giành được nền độc lập vào năm 1965) nên sự phát triển của luật biển, chính sách tổng thể về biển của Singapore không mấy phức tạp so với các nước trong khối ASEAN khác.

Tuy nhiên, do giữ một vị trí quan trọng là cảng quốc tế và trung tâm thương mại của khu vực và thế giới, nên Singapore có quyền lợi sống còn trong việc duy trì vùng biển tối đa của mình trong khu vực biển cả dành cho hàng hải quốc tế, đặc biệt là quyền qua lại vô hại của tàu thuyền nước ngoài trong khu vực eo biển Melacka. Chính sách về biển của Singapore cũng giống như chính sách của các cường quốc về hàng hải trên thế giới, và có nét khác biệt đối với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Đó là Singapore đã cụ thể hoá quy phạm pháp lý quốc gia về sự duy trì vùng lãnh hải hẹp hoặc chống lại bất cứ hình thức mở rộng quyền tài phán quốc gia về hướng biển, Singapore áp dụng chiều rộng lãnh hải là 12 hải lý.

Mặt khác, sự phát triển của luật biển quốc tế hiện đại, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển quốc tế năm 1982 (UNCLOS), đã tạo nên không khí tích cực đối với việc mở rộng quyền tài phán của các quốc gia ven biển tới giới hạn 200 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải¹⁷, hoặc hơn nữa của vùng thềm lục địa. Singapore là một quốc gia quần đảo nhỏ bé bị bao quanh bởi các nước ASEAN. Vị trí khép kín đó đã buộc Singapore hoạch định chính sách quốc gia hướng về biển và đã đạt được những thành tựu quan trọng về lĩnh vực biển.

Dưới quan điểm mới về thềm lục địa, hoặc khái niệm mới về vùng đặc quyền kinh tế do UNCLOS quy định, thậm chí một đảo nhỏ ở giữa đại dương cũng có quyền yêu sách vùng đặc quyền kinh tế rộng tới 125.664 hải lý vuông. Tuy nhiên, hòn đảo Singapore có diện tích 277 dặm vuông lại chỉ có thể yêu sách vùng đặc quyền kinh tế rộng hơn 100 hải lý vuông do vị trí địa lý khép kín, bị bao quanh bởi các nước trong khối ASEAN.

Singapore là một quốc gia đảo tương đối đặc thù ở khu vực, đồng thời Singapore lại là một nước phát triển nhất, vừa là trung tâm hàng hải, công nghiệp và tài chính quan trọng của khu vực và thế giới. Biển đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với Singapore trong quá trình phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Biển đã giúp Singapore mở rộng không gian của đất nước thông qua chiến lược lấn biển. Singapore cũng đã xây dựng chương trình phát triển khả năng hải quân của mình để bảo đảm nhu cầu quốc phòng, an ninh, bao gồm cả tàu ngầm, đồng thời quan tâm đến các vấn đề khu vực.

Với thế mạnh du lịch và khai thác cảng biển, Singapore rất chú trọng đến việc phát triển hai lĩnh vực này và đã đạt được những thành tựu quan trọng góp phần phát triển kinh tế, củng cố vị thế của Singapore trong khu vực và trên trường quốc tế. Điều đặc biệt là Singapore đã ban hành chiến lược quốc gia về Kế hoạch Xanh đến năm 2912.

Chiến lược này nhằm duy trì môi trường biển bền vững để thu hút du lịch và làm cơ sở quan trọng cho hoạt động khai thác cảng biển và hàng hải khu vực và quốc tế. Bộ máy tổ chức và điều hành các hoạt động liên quan đến biển chủ yếu là: Bộ Môi trường, Cơ quan quyền lực về cảng biển và hàng hải, Bộ Quốc phòng¹⁸.

1.4. Chính sách biển của Malaysia

Malaysia trước đây là thuộc địa của Anh nên cũng theo thực tiễn quốc gia của Anh trong luật quốc tế, bao gồm cả thuyết Anglo - Saxon về chiều rộng lãnh hải 3 hải lý. Sau khi giành được nền độc lập thống nhất đất nước, Malaysia cũng đã kế thừa các quyền và nghĩa vụ của chế độ trước¹⁹. Ngày 2/8/ 1969, vua Yang Di Pertuan Agung đã ra Sắc lệnh theo điều khoản 150 của Hiến pháp và được biết tới như Sắc lệnh khẩn cấp, thể hiện quyền thiết yếu số 7 năm 1969. Theo Sắc lệnh này, vùng lãnh hải được mở rộng từ 3 hải lý đến 12 hải lý, được tính từ các đường cơ sở thẳng dùng để tính chiều rộng lãnh hải, phần lớn trong số các đường cơ sở thẳng đó không được tính theo quy định của Công ước 1958²⁰. Mục 3 của Sắc lệnh quy định: *...Chiều rộng lãnh hải Malaysia sẽ là 12 hải lý và chiều rộng đó, trừ eo biển Melacka, biển Sulu, biển Celebes, sẽ được tính theo các Điều 3, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11,*

12, và 13 của Công ước Geneve về lãnh hải và vùng tiếp giáp năm 1958.

Ba trường hợp loại trừ trong mục này vì ở ba khu vực biển này khoảng cách giữa Malaysia và các nước khác không quá 24 hải lý. Điều đó cho thấy, quan điểm của Malaysia về giải pháp theo con đường đàm phán ký kết thoả thuận song phương chứng tỏ có hữu hiệu. Ngày 17/3/1970, Malaysia đã đạt được thoả thuận với Indônêxia về vấn đề lãnh hải giữa hai nước trong khu vực eo biển Melacka.

Lãnh hải trong khu vực biển Sulu và Celebes vẫn chưa được phân định do sự bất đồng giữa Malaysia và Philippines về yêu sách đối với Sabah. Vấn đề này có nguyên nhân của nó, tuy nhiên nó sẽ được giải quyết trong tương lai gần²¹. Hiện nay, Malaysia vẫn giữ giới hạn 3 hải lý dọc theo khu vực bờ biển Sabah và Sarawak theo Điều 4 của Sắc lệnh đã nêu trên, mục 6 của Sắc lệnh đã giúp cho vua Yang Di Pertuan Agung sửa đổi ranh giới này²².

Malaysia cũng đã thừa nhận những nghĩa vụ và trách nhiệm theo Thoả thuận eo biển và thoả thuận vùng nước lãnh hải Johore năm 1928 do Anh và vua Johore ký năm 1928 nhằm phân chia vùng eo biển Johore giữa phần phía Bắc Malaysia và phần phía Bắc Singapore.

Việc phát triển luật về quyền tài phán trên biển của Malaysia thực sự bắt đầu khi quốc gia này thông qua hai bộ luật về thêm lục địa và việc khai thác nguồn tài nguyên biển ở khu vực thêm lục địa. Đầu tiên là Luật thêm lục địa năm 1966, đây là Đạo Luật số 83 và tiếp theo đó là Luật về việc khai thác các mỏ dầu khí năm 1966, đây là Đạo luật số 95 điều tiết việc khai thác dầu khí và các vấn đề liên quan. Rõ

ràng là các yêu sách của Malaysia về quyền chủ quyền đối với thêm lục địa cũng chính là yêu sách về quyền khai thác các tài nguyên thiên nhiên không sinh vật trong khu vực thêm lục địa. Nói cách khác, từ ranh giới ngoài lãnh hải trở ra, quyền tự do hàng hải và hàng không vẫn được thừa nhận, hoạt động nghề cá không bị ảnh hưởng.

Tuy nhiên, việc Malaysia xuất bản tám bản đồ thể hiện giới hạn thêm lục địa của mình đã nhận được rất nhiều sự phản đối của các quốc gia xung quanh. Vào tháng 4-1980, Vua Yang Di Pertuan Agung cuối cùng đã tuyên bố vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý, do đó, toàn bộ khối nước bên trên thêm lục địa trong giới hạn vùng đặc quyền kinh tế sẽ thuộc quyền tài phán của Malaysia.

Malaysia là một trong những quốc gia ven biển lớn của khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là nước có nền công nghiệp dầu khí ngoài khơi phát triển và là một bên trong tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Malaysia cũng là nước hết sức quan tâm đến việc bảo vệ các quyền lợi về nghề cá trong các vùng biển thuộc quyền tài phán của mình.

Về quốc phòng và an ninh trên biển, Malaysia đi theo hướng xây dựng thực lực, tránh đi vào tranh cãi, tìm cách lôi kéo Trung Quốc với hy vọng hạn chế tham vọng của Trung Quốc ở khu vực Biển Đông.

Qua nghiên cứu cho thấy, Malaysia có hệ thống chính sách biển quốc gia tương đối toàn diện bao gồm: Chương trình Quốc gia về quản lý và bảo vệ môi trường, Chính sách môi trường quốc gia, Kế hoạch quốc gia về chống ô nhiễm tràn dầu²³. Về

phương diện pháp quy, một loạt các văn bản tổng hợp liên quan đến biển gần đây đã được ban hành như: Luật Chất lượng môi trường năm 1984; Luật Đánh giá tác động môi trường năm 1987; Kế hoạch Quốc gia về đa dạng sinh học, rừng và môi trường. Về cơ cấu tổ chức: Có 14 bộ và 23 ngành của Chính phủ tham gia vào hệ thống quản lý biển, đảo. Hiện nay, Malaysia đã ban hành một hệ thống chính sách quốc gia về quản lý vùng biển ven bờ, đặc biệt Chính phủ Malaysia rất chú trọng việc tham gia vào các Công ước quốc tế, và các Tuyên bố của khu vực.

Malaysia là một trong những quốc gia của khu vực sớm xây dựng và triển khai chính sách quốc gia về biển một cách đồng bộ và thành công trên nhiều lĩnh vực, trong đó có ngành khai thác dầu khí ngoài khơi. Đây có thể được xem là bài học quý giá cho các quốc gia trong khu vực tham khảo, học hỏi kinh nghiệm để vận dụng vào tình hình thực tế của mỗi quốc gia trong đó có Việt Nam - một quốc gia đang đẩy mạnh công tác xây dựng và triển khai thực hiện chính sách quốc gia về biển.

1.5. Chính sách biển của Thái Lan

Thái Lan là một trong những quốc gia có công nghiệp nghề cá phát triển, đồng thời đang đẩy mạnh công tác thăm dò, khai thác dầu khí trên biển. Thái Lan rất quan tâm đến lĩnh vực đánh cá ngoài biển khơi, và vì lý do này đã không ký kết UNCLOS và đã liên tục có sự vi phạm tài nguyên nghề cá với các nước láng giềng²³. Trong thời gian vừa qua, Thái Lan đã đề ra chương trình hiện đại hoá lực lượng hải quân, bao gồm cả việc triển khai mua tàu sân bay. Gần đây, lãnh đạo quân đội Thái Lan tuyên bố mối đe dọa đối với lợi ích của

Thái Lan trong thời gian tới sẽ xuất phát từ hướng biển.

Về phương diện quân sự, Thái Lan duy trì các cuộc tập trận hải quân với các nước, đặc biệt là cuộc tập trận thường niên mang tên “Hổ mang vàng”, đôi khi diễn ra với quy mô lớn, bao gồm cả sự tham gia của máy bay chiến đấu chiến lược mới của Mỹ. Thái Lan cũng là quốc gia duy nhất trong khu vực Đông Nam Á sử dụng một chiếc tàu sân bay.

Hiện nay, Thái Lan đang phát triển Kế hoạch Quốc gia lần thứ IX về Bảo tồn tài nguyên biển. Ủy ban Bảo tồn và Chính sách biển giữ vai trò điều phối các vấn đề tổng thể về biển. Các cơ quan quan trọng khác là Bộ Tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Hội đồng Môi trường quốc gia, Bộ Thủy sản, Bộ Các chính quyền địa phương là những cơ quan quan trọng trong hệ thống các cơ quan quản lý biển đảo của Thái Lan. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, Thái Lan rất chú trọng lĩnh vực quan hệ quốc tế trong quản lý và khai thác biển với sự hoạt động của Viện Đại dương quốc tế Thái Lan²⁴. Viện này đang đóng một vai trò quan trọng trong việc hợp tác với các quốc gia khác như: Phần Lan, Australia, Đan Mạch, v.v..., để trợ giúp Chính phủ trong hoạch định chính sách quốc gia về biển. Đây là một cách tiếp cận điển hình về sự tham gia của tổ chức và viện nghiên cứu vào hệ thống các cơ quan quản lý và khai thác biển đảo của Thái Lan.

Trong quan hệ với Việt Nam liên quan đến biển, Thái Lan đã ký Hiệp định phân định biển với Việt Nam vào ngày 9/8/1997. Đây là một hiệp định quan trọng đối với cả hai quốc gia trong việc phân định ranh giới biển. Sự kiện quan trọng này đã tạo

môi trường pháp lý thuận lợi cho việc khai thác và sử dụng biển, phát triển các ngành kinh tế trong vịnh Thái Lan.

2. Sự thống nhất của các quốc gia trong khu vực về gìn giữ môi trường hoà bình, phát triển kinh tế biển và bảo vệ môi trường biển

Trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế, ngoài xây dựng chính sách quốc gia về biển để phát triển, các quốc gia hữu quan trong khu vực còn cam kết cùng nhau gìn giữ môi trường biển thực sự hoà bình, ổn định để phát huy những lợi thế tiềm năng của khu vực Biển Đông, đồng thời cùng nhau bảo vệ môi trường biển để phát triển bền vững.

Chủ trương chung của các quốc gia hữu quan trong khu vực về giải quyết tranh chấp chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán về các vùng biển chồng lấn, đảo, quần đảo đang có tranh chấp đó là thông qua đàm phán, thương lượng hoà bình trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng luật pháp quốc tế, luật biển quốc tế đặc biệt là những quy định của UNCLOS, tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của các quốc gia ven biển đối với các vùng biển và hải đảo.

Hiện nay, các quốc gia hữu quan trong khu vực Đông Nam Á đang thúc đẩy quá trình đàm phán để tìm ra giải pháp cơ bản lâu dài, thông qua các diễn đàn khu vực cho vấn đề tranh chấp chủ quyền. Các bên cũng đã cam kết duy trì sự ổn định trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng, tuyệt đối không có hành động làm phức tạp thêm tình hình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong giải quyết các vấn đề

liên quan đến tranh chấp chủ quyền về biển đảo.

Cam kết thoả thuận giữ môi trường hoà bình để phát triển kinh tế đã được thể hiện đậm nét qua Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC) đã được ký kết vào ngày 4/11/2002, tại Phnôm Pênh, Campuchia. Việt Nam cùng các quốc gia ASEAN và Trung Quốc đã ký kết bản Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông DOC, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề trên biển và duy trì sự ổn định của khu vực.

Năm 2011, với vai trò Chủ tịch ASEAN, Tổng thống Indônêxia Susilo Bambang Yudhoyono đã có những đóng góp nhất định và nỗ lực giải quyết tốt các vấn đề còn bất đồng trong ASEAN. Các vấn đề ở Biển Đông cũng đã và đang được giải quyết bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế. Tuy nhiên, tình hình đôi lúc trở nên phức tạp do quan điểm về chủ quyền của các quốc gia hữu quan còn khác xa nhau. Để góp phần giải quyết những vấn đề còn bất đồng và nhận thức khác nhau giữa các bên trên Biển Đông, đòi hỏi các quốc gia phải tăng cường xây dựng lòng tin, cụ thể bằng con đường đàm phán hoà bình và dựa trên các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, luật biển quốc tế và những quy định của UNCLOS.

Trong bối cảnh hiện nay, ASEAN và Trung Quốc đang đẩy nhanh tiến độ soạn thảo Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC). COC ra đời sẽ có tính ràng buộc pháp lý cao hơn DOC. Với niềm tin vào chân lý, hy vọng rằng COC sẽ sớm được thông qua trong những thập niên đầu của

thế kỷ XXI, sau một thời gian các bên đã cam kết thực hiện nghiêm chỉnh DOC.

Kết luận

Do vị trí địa lý thuận lợi là đều nằm ven Biển Đông, hầu hết các nước ASEAN đều rất quan tâm và xây dựng, triển khai thực hiện chính sách phát triển và bảo vệ biển đảo của mình. Xuyên suốt mục tiêu của các nước là bảo vệ và khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên trong vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của mỗi nước. Đồng thời ủng hộ hợp tác khu vực trong những lĩnh vực liên quan đến biển, đảo; quan tâm đến việc giữ gìn môi trường biển hoà bình và ổn định trong khu vực, tăng cường một cách mạnh mẽ lực lượng hải quân, cảnh sát biển nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia trên biển.

Trong bối cảnh chung của tranh chấp chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán đối với các vùng biển, đảo, quần đảo trong khu vực Biển Đông rất phức tạp, nhận thức được giá trị của hoà bình sẽ đem lại lợi ích to lớn để phát triển kinh tế, các quốc gia hữu quan trong khu vực Đông Nam Á đã và đang nỗ lực tiếp tục đàm phán song phương để giải quyết các vấn đề song phương và đàm phán đa phương để giải quyết các vấn đề tranh chấp chủ quyền liên quan đến nhiều bên trong khu vực.

Qua nghiên cứu chính sách quốc gia về biển của các quốc gia hữu quan trong khu vực Đông Nam Á, hy vọng bài nghiên cứu này sẽ cung cấp thêm những thông tin cơ bản trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách quốc gia về biển của các quốc gia trong khu vực. Qua đó tiếp thu những thành tựu, những bài học kinh nghiệm về quá trình triển khai thực hiện chính sách quốc

gia về biển đối với công cuộc xây dựng và triển khai thực hiện chính sách quốc gia về biển ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

CHÚ THÍCH:

¹ Báo cáo tổng hợp của Chương trình môi trường biển khu vực Đông Á, (PEMSEA), 11/2002.

² Ngoài các viện nghiên cứu khoa học, Philippines là quốc gia đầu tiên trong khu vực áp dụng mô hình đào tạo các chuyên gia về biển bằng việc thành lập khoa đào tạo Thạc sĩ về quản lý biển tại Trường Đại học Tổng hợp Philippines. Chương trình này áp dụng hoàn toàn mô hình của Canada và Mỹ. Xem tin cập nhật, Chương trình biển, ĐHTH Dalhousie, NS. Canada. <http://www.dal.ca/mmm/>

³ APEC - Oceans Governance. Báo cáo của Chương trình MRC 01/2002. Trung tâm Chính sách biển. ĐHTH Wollongong.NSW 2522. Australia. 12/2003: Philippines.

⁴ APEC - Oceans Governance. Báo cáo của Chương trình MRC 01/2002. Trung tâm Chính sách biển. ĐHTH Wollongong.NSW 2522. Australia. 12/2003: Philippines.

⁵ Tin tham khảo của Vụ Tổng hợp kinh tế, Bộ Ngoại giao. Tháng 4 năm 2003

⁶ Danh sách tên các đảo được Ban giám đốc Hải quân cung cấp; Pusat Dokumensi Hmiah Nation Jakar, 1975.

⁷ Danh sách tên các đảo được Ban giám đốc Hải quân cung cấp; Pusat Dokumensi Hmiah Nation Jakar, 1975.

⁸ Barry Hart Dubner, Luật về vùng lãnh hải của các quần đảo giữa đại dương và các quốc gia quần đảo.tr 62.

⁹ Barry Hart Dubner, Luật về vùng lãnh hải của các quần đảo giữa đại dương và các quốc gia quần đảo.tr 62.

¹⁰ Tài liệu của Chính phủ số 442, do nhóm thư ký của Liên hợp quốc dịch và được in trong tạp chí “Luật và các điều lệ của các chế độ của vùng lãnh hải”.

¹¹ Sau này được coi như thuộc địa của Hà Lan.

¹² Indonesia cũng gặp phải vấn đề tranh chấp chủ quyền với Malaysia đối với hai đảo Ligitan và Sipadan. Tranh chấp này đã được giải quyết bằng Tòa án quốc tế. *Xem thêm* chú thích phần sau khi bàn về ranh giới lãnh hải của Malaysia

¹³ Báo cáo tổng hợp của Chương trình môi trường biển khu vực Đông Á, (PEMSEA), tháng 11 năm 2002.

¹⁴ APEC - Oceans Governance. Báo cáo của Chương trình MRC 01/2002. Trung tâm Chính sách biển. ĐHTH Wollongong. NSW.2522. Australia.12/2003: Indonesia

¹⁵ Tài liệu phục vụ quá trình xây dựng Luật các vùng biển Việt Nam. Ban Biên giới, Bộ Ngoại giao. Tháng 11 năm 2003.

¹⁷ Nguyễn Thanh Minh (2011) Quy chế pháp lý quốc tế đối với các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia ven biển từ lý luận đến thực tiễn. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 10, tháng 10 năm 2011.

¹⁸ Tài liệu phục vụ quá trình xây dựng Luật các vùng biển Việt Nam. Ban Biên giới, Bộ Ngoại giao. Tháng 11 năm 2003

¹⁹ Hệ thống hiệp ước của Liên hợp quốc, Vol.279, tr.287, do Chao Hick Tin cung cấp, Singapore và Luật biển.

²⁰ *Xem* J.R.V.Prescott và cộng sự: Đường biên giới của Châu Á và khu vực Đông Nam Á. 1997

²¹ Ferdinance E. Marcose, “Phá bỏ tuyên bố thông qua vấn đề Sabah”, Manila: Trung tâm thông tin đại chúng quốc gia, 1977.

²² Vấn đề biên giới biển giữa Malaysia và Indonesia đã được giải quyết bằng Phán quyết ngày 17 tháng 12 năm 2002 của Tòa án quốc tế theo đó chủ quyền trên hai đảo Ligitan và Sipadan thuộc Malaysia. *Xem thêm* Huỳnh Minh Chính, Phó Hoàng Hân: *Phán quyết của Tòa án quốc tế về tranh chấp chủ quyền đảo giữa Malaysia và Indonesia*. Tạp chí biển Việt Nam. Viện KHKTB. Số 8 -9 tháng 10/2003.

²³ APEC - Oceans Governance. Báo cáo của Chương trình MRC 01/2002. Trung tâm Chính sách biển. ĐHTH Wollongong. NSW.2522. Australia.12/2003: Malaysia

²³ *Xem* Ted L. McDorman, *Thái Lan và Công ước 1982 của Liên hợp quốc về Luật biển*, Tạp chí *Chính sách biển*, tháng 10 năm 1985, tr.292 - 308.

²⁴ Cicin - Sain, B. and Knecht, R.W. (Intergrate Coastal Zone Management: Concepts and Practice) *Quản lý thống nhất ven biển và đại dương: Các quan điểm và thực tiễn*. Wa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài phát biểu của Thứ trưởng Ngoại giao Lê Lương Minh tại Hội nghị lần thứ 21 của các quốc gia thành viên Công ước 1982 tổ chức tại NewYork, Mỹ từ ngày 13 đến 17-6-2011.

2. Nguyễn Thanh Minh (2011): *Tiềm năng biển Việt Nam và chính sách hợp tác quốc tế về biển trong thập niên đầu thế kỷ XXI*. Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

3. Nguyễn Thanh Minh (2010): *Chính sách hợp tác về biển của Việt Nam trong thập niên đầu thế kỷ XXI*. Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 8 (tháng 8-2010).

4. Nguyễn Thanh Minh (2010): *Thực trạng và giải pháp phát triển dịch vụ vận tải biển Việt Nam trong thập niên đầu thế kỷ XXI*. Tạp chí Nghiên cứu các vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới, số 10 (tháng 10-2010).

5. Nguyễn Thanh Minh (2011): *Các biện pháp xây dựng lòng tin và an ninh ở khu vực Biển Đông trong bối cảnh hiện nay*. Tạp chí Nghiên cứu các vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới, số 9 (tháng 9-2011).

6. Jeannette Greenfield. China and the Law of the Sea. Trong Jamer Crawford và Donald R. Rothwell (chủ biên): *The Law of the Sea in the Asian Pacific Region*, Martinus, Nijhoff Publishers, Dordrecht, Boston, London, 1995, p, 21-40.